

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST

Ngày : 26/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Minh Đức

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên

Ngày 20 và 26 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 14/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. LÊ VĂN C: sinh ngày 25 tháng 11 năm 1994 tại Thừa Thiên Huế; nơi đăng ký thường trú: số nhà 219/24/19 đường số 12, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê T và bà: Lưu Thị Minh N; vợ, con: chưa có; nhân thân: Ngày 22/8/2012 Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (Bản án số 219/2012/HSST); Ngày 10/02/2015 Công an quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 900.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 0017064/QĐ-XPHC); tiền án: Ngày 17/11/2015 Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 249/2015/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/02/2018; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: ngày 09/7/2018.

(Có mặt)

2. TRẦN QUANG Đ: sinh ngày 09 tháng 6 năm 1991 tại Bến Tre; nơi đăng ký thường trú: số nhà 536/47/2 đường Âu C, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T và bà: Lê Thị Kim L; vợ, con: chưa có; nhân thân: Ngày 05/9/2006 Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” nhưng cho hưởng

án treo, thời gian thử thách 02 năm tính từ ngày tuyên án (Bản án số 1269/2006/HSST); Ngày 06/3/2013 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” (Bản án số 55/2013/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/3/2015; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: ngày 09/7/2018.

(Có mặt)

3. NGUYỄN KHẮC T: sinh ngày 06 tháng 9 năm 1990 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số nhà 23/46 đường Bùi Thế M (số cũ: số nhà 27/46 trước trường M), Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: số nhà 5/11 đường Trường C, tổ 25, khu phố 2, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Khắc C và bà: Nguyễn Thị N; có vợ: Nguyễn Thị Khánh L và 01 con, sinh năm 2017; Nhân thân: Ngày 13/5/2008 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm tính từ ngày tuyên án (Bản án số 107/2008/HSST), Ngày 12/5/2009 Công an huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 100.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng (Quyết định số 0002737/QĐ-XPHC); Ngày 16/02/2012 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, tổng hợp hình phạt tù với Bản án số 107/2008/HSST ngày 13/5/2008 của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, hình phạt chung của 02 bản án là 06 năm tù (Bản án số 26/2012/HSST), chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/01/2015; Tiền án, tiền sự: không; bị bắt, tạm giữ, tạm giam: ngày 09/7/2018.

(Có mặt)

Bị hại:

1. Anh Phạm Tấn M, sinh năm 1996, nơi cư trú: khóm 6, đường Nguyễn T, Phường G, thành phố H, tỉnh Cà Mau.

(vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Nam T1, sinh năm 1989, nơi cư trú: số nhà 95/2A khu phố 6, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1988, nơi cư trú: số nhà 354 đường Hùng V, phường I, thành phố K, tỉnh Đắk Lắk.

(vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1979, nơi cư trú: số nhà 1/65 bis khu phố 5, phường G1, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Ông Phạm Viết Đ1, sinh năm 1957, nơi cư trú: số nhà 77/24 đường Nhất Chi M, Phường E1, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1988, nơi cư trú: số nhà 427/2/4 đường Tân Kỳ Tân Q, phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Nguyễn Thị Khánh L, sinh năm 1994, nơi cư trú: số nhà 5/11 đường Trường C, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

2. Anh Dương Hoài B1, sinh năm 1988, nơi cư trú: số nhà 536/10/1 đường Lê Văn S, Phường R, quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3. Anh Dương Hiền T3, sinh năm 1993, nơi cư trú: Số nhà 52 đường Đặng Minh T, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Phi T4, sinh năm 1985, nơi cư trú: số nhà 70 đường Đỗ T, phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

5. Chị Nguyễn Bích T1, sinh năm 1984, nơi cư trú: số nhà 101/3 đường Trần Quốc T, Phường O, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

6. Anh Huỳnh Công V, sinh năm 1976, nơi cư trú: tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi.

(vắng mặt)

7. Anh Nguyễn Bá P, sinh năm 1988, nơi cư trú: tổ dân phố 5, thị trấn N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ 30 phút ngày 09/7/2018, LÊ VĂN C điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, biển số 76F2-1042 cùng NGUYỄN KHẮC T điều khiển xe gắn máy Yamaha Exciter màu đen, biển số 59V2-377.37 chở TRẦN QUANG Đ đi tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Đến khoảng 05 giờ 40 phút cùng ngày, khi đi đến ngã ba Âu C – Nguyễn Hồng Đ, cả ba phát hiện anh Phạm Tấn M đang đứng trên lề đường, cầm điện thoại di động trên tay, bên cạnh anh M có để 01 vali màu xanh, bên trên vali là 01 túi xách. T chở Đ quay đầu xe lại áp sát anh M với mục đích giật điện thoại di động của anh M. Tuy nhiên, anh M đứng cách xa lòng đường, T và Đ không giật được nên tiếp tục chạy xe lên phía trước.

Lúc này C đang chạy phía sau thấy vậy nên điều khiển xe chạy đến vị T anh M đang đứng, dùng tay trái giật chiếc túi xách để bên trên vali của anh M rồi tăng ga để tẩu thoát. Anh M tri hô và chạy bộ đuổi theo được khoảng 20 mét thì dừng lại. Tuy nhiên hành vi của C, Trí, Định đã bị lực lượng đặc nhiệm Đội Cảnh sát hình sự Công an quận Tân Bình theo dõi nên đuổi theo đến trước nhà số 81C1 đường Nguyễn Hồng D, Phường C, quận D thì bắt được C cùng vật chứng và phương tiện cướp giật. T và Đ điều khiển xe chạy đến trước số nhà 02 đường Bế Văn D, Phường C, quận D thì bị bắt giữ.

Vật chứng vụ án:

- 01 giỏ xách, bên trong có số tiền 18.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S (kết quả định giá có trị giá 6.000.000 đồng), 01 Ipad Air 2 (kết quả định giá có trị giá 7.800.000 đồng), riêng túi xách không có cơ sở định giá do bị hại không cung cấp được hóa đơn chứng từ (bị hại khai mua với giá 450.000 đồng). Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho bị hại anh Phạm Tấn M.

- Thu giữ của LÊ VĂN C:

+ 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, biển số 76F2-1042, số khung: RLCE1S940AY053128, số máy: 1S94-053127 là phương tiện cướp giật. Kết quả giám Đ xe có số khung, số máy nguyên thủy không đổi. C khai mượn xe gắn máy trên của một người quen tên H (không rõ lai lịch, địa chỉ) ở gần chợ Tân H. Kết quả xác minh, chủ sở hữu xe là anh Nguyễn Bá P. Anh P cho biết mua xe gắn máy trên vào tháng 6/2010 và sử dụng đến năm 2017 thì bán cho người khác với giá 15.000.000 đồng. Khi bán không làm giấy tờ mua bán, không nhớ người bán là ai và chưa làm thủ tục sang tên chủ quyền.

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu vàng (C khai dùng để liên lạc với Đ, T trong quá trình đi cướp giật).

+ 01 giỏ xách cầm tay hiệu D-B-OLY, 01 áo khoác màu nâu, 01 nón bảo hiểm thể thao, 01 bình xịt hơi cay, 01 sợi dây kim loại màu vàng, 02 nhẫn kim loại màu vàng và 01 chứng minh nhân dân số 025232987 mang tên LÊ VĂN C.

+ 01 giấy đăng ký xe gắn máy bản phô tô của xe 66B1-234.37; 01 giấy bán xe gắn máy viết tay bản phô tô, bán xe 66B1-234.37; 01 biển số xe 84G1-260.41 và 01 biển số 64B1-327.80. C khai là của bạn tên H (không rõ nhân thân, lai lịch, địa chỉ) cho.

- Thu giữ của NGUYỄN KHẮC T:

+ 01 xe gắn máy Yamaha Exciter màu đen biển số 59V2-377.37 (xe mang biển số giả), số khung: RLCE1S9402AY058242, số máy: S94058243 là phương tiện cướp giật. T khai mua lại xe gắn máy trên của một người không rõ lai lịch ở quận G. Xác minh số khung: RLCE1S9402AY058242, số máy: S94058243 của chiếc xe bị thu giữ, kết quả xe gắn máy này mang biển số 76Y2-2541 do Huỳnh Công V, địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi là chủ sở hữu. Anh V cho biết anh mua xe gắn máy biển số 76Y2-2541 vào năm 2010 rồi bán lại

cho một người khác vào năm 2013, anh không làm giấy tờ mua bán và không nhớ tên, địa chỉ người mua.

+ Xác minh, biển số 59V2-377.37 (biển số gắn trên chiếc xe bị thu giữ) là của xe gắn máy hiệu Honda SH 125 do chị Nguyễn Bích T1, địa chỉ: số nhà 101/3 đường Trần Quốc T, Phường O, quận P đứng tên đăng ký. Hiện chị T1 không thực tế cư ngụ tại địa phương nên không làm việc được.

+ 01 Giấy đăng ký xe số 048789 mang tên Nguyễn Văn Bình, địa chỉ: số nhà 79/83/2A Bùi Quang L, Phường H, quận G, biển số 59V2-377.37 do công an thu giữ khi bắt T. Kết quả giám Đ là giấy đăng ký xe giả. Xác minh tại Công an Phường H, quận G, kết quả Phạm Văn B không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú hiện tại nên không làm việc được.

+ 01 áo khoác màu đen, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus (T khai dùng để liên lạc với Định, C trong quá trình đi cướp giật).

+ Tiến hành khám xét nơi ở của NGUYỄN KHẮC T tại số 23/46 đường Bùi Thế M, Phường C, quận D, thu giữ: 05 vỏ nhựa màu xanh ốp ngoài xe gắn máy, 07 vỏ nhựa xe gắn máy màu đen, 05 vỏ nhựa xe gắn máy được dán giấy bảo bên ngoài và 01 khẩu súng tự chế bằng nhựa và sắt màu xám dài khoảng 80cm.

- Thu giữ của TRẦN QUANG Đ:

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 đỏ trắng (Định khai dùng để liên lạc với trong quá trình đi cướp giật).

+ 01 bình xịt hơi cay do C đưa.

Quá trình điều tra, LÊ VĂN C, TRẦN QUANG Đ và NGUYỄN KHẮC T đã thừa nhận hành vi cướp giật tài sản của anh Phạm Tấn M như nêu trên, phù hợp với lời khai của bị hại, kết quả thực nghiệm điều tra và các chứng cứ khác thu được trong hồ sơ vụ án.

Ngoài ra, LÊ VĂN C, TRẦN QUANG Đ và NGUYỄN KHẮC T còn khai nhận trước đó đã thực hiện trót lọt khoảng 12 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn quận D, quận K, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không nhớ địa điểm gây án. Căn cứ lời khai của C, Đ, T, Công an quận Tân Bình đã đăng báo tìm bị hại, người làm chứng để điều tra làm rõ, kết quả có 05 vụ có bị hại trình báo, 02 vụ chưa xác Đ được bị hại, trong đó có 6 vụ xác định được C, Đ, T cùng tham gia và 01 vụ LÊ VĂN C khai tham gia cùng các đối tượng khác là A và Co (hiện chưa xác định được đối tượng tham gia cùng với C), cụ thể như sau:

+ Vụ 1: Công an quận Tân Bình đã có công văn thông báo cho Công an Quận 10, đăng báo tìm bị hại, người làm chứng nhưng chưa có kết quả. Cụ thể như sau: Vào khoảng 03 giờ 30 phút ngày 09/7/2018, LÊ VĂN C điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, biển số 76F2-1042 cùng với NGUYỄN KHẮC T điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đen, biển số 59V2-377.37 chở TRẦN QUANG Đ lưu thông trên đường Bắc H, Phường I, Quận K (Xác minh tại Công an Phường I1, Quận K và Công an Phường C1, quận D, không có ai đến trình báo bị giật điện thoại di động). T và Đ phát hiện thấy 01 người đàn ông đang dùng xe sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 7plus (kết quả định giá có trị giá

11.000.000 đồng) tại trước số 284 đường Bắc H, Phường C1, quận D. T điều khiển xe gần máy áp sát người đàn ông cho Đ ngồi phía sau dùng tay phải giật điện thoại rồi tăng ga chạy thoát về đường Lý Thường K.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus (kết quả định giá có trị giá 11.000.000 đồng, đã được thu hồi).

+ Vụ 2: Khoảng 03 giờ 50 phút ngày 09/7/2018, C điều khiển xe gần máy cùng với T điều khiển xe gần máy chở Đ lưu thông từ đường Phạm Văn B hướng về đường Tân S. Khi đi đến bờ rào quân đội (đối diện nhà số 88 đường Tân S, Phường C, quận D) thì cả nhóm phát hiện anh Nguyễn Nam T1 đang điều khiển xe gần máy, trên tay trái đang cầm 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S (kết quả định giá có trị giá 3.000.000 đồng), T điều khiển xe từ phía sau chạy lên áp sát anh T1 cho Đ ngồi sau trực tiếp giật điện thoại di động của anh T1 rồi tăng ga tẩu thoát.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Oppo F1S (Kết quả định giá có trị giá 3.000.000 đồng đã thu hồi được).

+ Vụ 3: Khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày 09/7/2018, cả ba tiếp tục chạy trên đường Trường C, hướng vào khu công nghiệp T. Khi đến trước số nhà 36 đường Tây T, phường L, quận M, C phát hiện anh Nguyễn Thanh T điều khiển xe gần máy chở em ruột tên Nguyễn Thanh T2, trên túi áo anh T2 có để 01 điện thoại di động Oppo F1 màu vàng (kết quả định giá có trị giá 1.700.000 đồng). C điều khiển xe áp sát bên trái anh T2 rồi dùng tay phải giật điện thoại và tăng ga chạy thoát về hướng đường Lê Trọng Tấn sau đó đưa điện thoại cho Định cất giữ.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động Oppo F1 màu vàng có vỏ ốp màu đỏ (kết quả định giá 1.700.000 đ đã thu hồi được).

+ Vụ 4: Sau khi giật được điện thoại của anh T2 và chạy thoát, cả ba tiếp tục chạy đến đường Lê Trọng T. Khi đến ngã tư đường CN2 – Tây T thì T và Đ phát hiện anh Nguyễn Đình B đang dừng đèn đỏ, trên tay có sử dụng điện thoại di động hiệu Iphone 6S Gold plus (kết quả định giá có trị giá 4.200.000 đồng). T điều khiển xe áp sát anh B để Đ ngồi sau giật điện thoại của anh B rồi tăng ga để tẩu thoát. Anh B tăng ga xe đuổi theo nhưng không đuổi kịp.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Gold plus (kết quả định giá 4.200.000 đã thu hồi được).

+ Vụ 5: Sau khi chạy thoát C, Đ và T tiếp tục chạy về hướng đường Tân K - Tân Q, qua đường Lê Trọng T. Khi đến trước số nhà 404 đường Lê Trọng T, phường T, quận M, T và Đ phát hiện ông Phạm Viết Đ1 đang ngồi trên xe đạp dừng bên đường, tay trái đang sử dụng điện thoại di động hiệu Oppo A39 màu vàng đồng (kết quả định giá có trị giá 1.300.000 đồng). T điều khiển xe chạy đến áp sát ông Đ1 cho Đ ngồi sau giật nhưng không giật được. C thấy vậy liền điều khiển xe chạy lên dùng tay trái giật điện thoại của ông Đ1 rồi tẩu thoát về hướng đường Tân K - Tân Q.

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 màu vàng đồng (kết quả định giá có trị giá 1.300.000 đồng, đã thu hồi được).

Vụ 6: Công an quận Tân Bình đã thông báo cho Công an Quận 12 và đăng báo tìm bị hại, người làm chứng nhưng chưa có kết quả. Cụ thể như sau:

Sau khi thực hiện trót lọt các vụ cướp giật tài sản nêu trên, cả ba chạy về nhà T ở Quận F. Đ đưa toàn bộ điện thoại di động vừa cướp giật được cho T giữ. T đem vào nhà cất rồi cả ba lại tiếp tục đi tìm tài sản để cướp giật. Đến khoảng 05 giờ 20 phút cùng ngày, T điều khiển xe gắn máy áp sát cho Đ ngồi sau giật được 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus (kết quả định giá có trị giá 5.000.000 đồng) của một người phụ nữ đang ngồi trước nhà số 21 đường Phan Văn H, phường E, Quận F rồi tăng ga chạy thoát về đường Trường C (Xác minh tại Công an phường E, Quận F khoảng thời gian đó không có ai đến trình báo bị cướp giật điện thoại).

Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus (kết quả định giá 5.000.000 đồng, đã được thu hồi)

+ Vụ 7: LÊ VĂN C khai, khoảng 05 giờ 30 phút ngày 05/7/2018, C điều khiển xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, biển số 76F2-1042 cùng 02 đối tượng A và C1 chở nhau bằng xe (không nhớ biển số xe và xác định lai lịch) rủ nhau đi cướp giật. Khi đến trước số nhà 265 đường Nguyễn Hồng Đ, Phường C, quận D, C trực tiếp giật 01 túi xách của chị Võ Thị Thanh T Sau khi giật, C mở túi xách lấy 03 điện thoại gồm: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy C9 Pro (kết quả định giá có trị giá 6.000.000 đồng), 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 (kết quả định giá có trị giá 14.000.000 đồng), 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7 Edge (kết quả định giá có trị giá 6.000.000 đồng) đem bán cho anh Nguyễn Phi T4 được 15.000.000 đồng, chia nhau mỗi người 5.000.000 đồng. Còn túi xách thì giao cho A và C1 giữ, không biết trong đó có gì.

Căn cứ lời khai của LÊ VĂN C. Cơ quan điều tra đã làm việc và anh Nguyễn Phi T4 khai có mua của C 03 điện thoại di động như trên, khi bán C nói đây là điện thoại của những người chơi game cầm lại cho C và không đến chuộc, anh không biết là do C cướp giật có được. Anh T4 đã tự nguyện giao nộp lại cho Cơ quan điều tra Công an quận Tân Bình 03 điện thoại di động trên và không yêu cầu C trả lại số tiền 15.000.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại.

Quá trình điều tra, bị hại chị Võ Thị Thanh T khai: Thời gian bị giật giỏ xách đúng như bị cáo khai. Tuy nhiên tài sản có khác, cụ thể: ngoài 03 điện thoại di động như bị cáo khai thì bên trong giỏ xách còn có các tài sản gồm: 01 ví hiệu Vascara màu trắng (mua giá 400.000 đồng), bên trong ví có số tiền 1.000.000 đồng và 1.000 Đô la Mỹ, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Chariol màu bạc (mua với giá 42.000.000 đồng), 01 nhẫn vàng (trị giá 2.000.000 đồng), 01 răng nanh bọc vàng (trị giá khoảng 12.000.000 đồng), 01 giấy đăng ký xe ô tô BMW biển số 48A-048.46 đứng tên Nguyễn Xuân C, 01 giấy phép lái xe hạng B1 mang tên Võ Thị Thanh T. Tổng trị giá tài sản bị mất khoảng 104.005.000 đồng. Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường các tài sản này.

Quá trình điều tra C chỉ thừa nhận sau khi giật túi xách thì chỉ lấy 03 điện thoại di động rồi đưa túi xách cho A và C1 giữ, C không biết trong túi xách còn gì.

Do không chiếm đoạt các tài sản như chị T đã trình bày nên không đồng ý bồi thường như bị hại yêu cầu.

Vật chứng vụ án:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy C9 Pro (kết quả định giá 6.000.000 đồng), 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 (kết quả định giá có trị giá 14.000.000 đồng), 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7 Edge (kết quả định giá có trị giá 6.000.000 đồng).

Tiến hành cho LÊ VĂN C, TRẦN QUANG Đ và NGUYỄN KHẮC T thực nghiệm điều tra, diễn lại hành vi phạm tội, kết quả phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được.

Căn cứ lời khai của C, Đ, T, Cơ quan điều tra đã lần lượt làm việc với những người liên quan, kết quả như sau:

- Dương Hiền T3 khai nhận được T nhờ bán điện thoại 3 lần, mỗi lần bán xong được Trí cho khoảng 100.000 đồng. Khi đem điện thoại nhờ bán, T nói điện thoại do cầm của người khác nhưng họ không chuộc nên đem bán chứ T không nói là do phạm tội mà có. Sau khi nhận điện thoại T3 mang đến cửa hàng điện thoại di động số 107T đường Trần Văn Đ, Phường E, Quận F bán cho chủ cửa hàng là Dương Hoài B1. Ngoài ra rạng sáng ngày 09/7/2018, vợ T là Nguyễn Thị Khánh L có nhờ Trọng bán giùm 05 điện thoại di động, nhưng T3 chưa bán thì bị Công an mời làm việc nên T3 đã nộp lại 5 điện thoại cho Công an, T3 không biết điện thoại do vợ T đem đến nhờ bán là do phạm tội mà có..

Tiến hành khám xét chỗ ở của Dương Hiền T3 tại số nhà 52 đường Đặng Minh T, Phường C, quận D, kết quả không thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Thu giữ của Dương Hiền T3: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, là tài sản cá nhân của T3.

- Nguyễn Thị Khánh L khai nhận vào sáng 09/7/2018, khi dọn dẹp nhà thì phát hiện ở hiên nhà có 05 điện thoại di động, không biết là của ai, nhưng do đang cần tiền mua sữa cho con nên đã đem đến cho T3 nhờ đi bán giùm. L không biết tài sản này là do chồng mình và đồng bọn phạm tội mà có.

- Dương Hoài B1 khai nhận không biết nguồn gốc những chiếc điện thoại di động Dương Hiền T3, T, C mang đến bán ở đâu mà có, chỉ biết thấy đúng giá thì mua sau đó đăng lên trang “Chợ tốt” trên mạng Intennet để bán lại kiếm lời. Bảo xác nhân đã mua trực tiếp từ NGUYỄN KHẮC T 02 lần: 02 điện thoại di động hiệu Oppo F1S, 01 điện thoại di động hiệu Nokia 6, 01 điện thoại di động hiệu Xiaomi và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 16GB với giá tổng cộng 10.800.000 đồng vào ngày 28/6/2018 và 02 điện thoại di động hiệu Samsung S8 plus và 01 điện thoại di động hiệu Huawei Horno 10 giá tổng cộng 24.500.000 đồng (không rõ thời gian mua); mua trực tiếp từ LÊ VĂN C 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus màu hồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6plus màu vàng giá tổng cộng 10.000.000 đồng. Các điện thoại này B1 đã bán hết nhưng không nhớ người mua là ai, không lưu số điện thoại của người mua. Tiến hành khám xét nơi ở của Dương Hoài B1 tại cửa hàng điện thoại di động số 107T đường Trần Văn Đ,

Phường E, Quận F, kết quả thu giữ 25 điện thoại di động các loại. Qua kiểm tra, không xác định được mật khẩu và không mở được nguồn để kiểm tra các điện thoại này, không xác định được chủ sở hữu là ai. B1 khai 25 điện thoại di động này là do B1 mua ngoài thị trường về bán lại kiếm lời. Qua xác minh, Dương Hoài B1 đã bỏ đi khỏi địa phương, không tiếp tục điều tra, làm rõ được nên cơ quan công an đã ra thông báo truy tìm.

Căn cứ kết quả điều tra xét thấy các đối tượng Dương Hiền T3, Dương Hoài B1, Nguyễn Thị Khánh L và Nguyễn Phi T4 không biết nguồn gốc các điện thoại mua của C, T, Đ hoặc được C, T, Đ, L nhờ bán là do phạm tội mà có. C và T, Đ cũng khai nhận không nói rõ nguồn gốc các điện thoại di động mang bán, nhờ bán là do phạm tội mà có. Do đó, không có căn cứ để xử lý Dương Hiền T3, Dương Hoài B1, Nguyễn Thị Khánh L và Nguyễn Phi T4 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Đối với 02 đối tượng Ân và C1 mà LÊ VĂN C khai là cùng LÊ VĂN C giật giỏ xách của chị Võ Thị Thanh T, không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở điều tra, xử lý.

Tại bản cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 31 tháng 10 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình đã truy tố bị cáo LÊ VĂN C về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm b, c, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; các bị cáo TRẦN QUANG Đ và NGUYỄN KHẮC T về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã trình bày luận tội, cụ thể: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, thì các bị cáo LÊ VĂN C, TRẦN QUANG Đ và NGUYỄN KHẮC T là những người không có nghề nghiệp, đã sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để cướp giật tài sản của người khác. Trong 01 khoảng thời gian ngắn từ khoảng 03 giờ 30 phút ngày 09/7/2018 đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 09/7/2018 các bị cáo đã thực hiện liên tiếp nhiều vụ cướp giật. Quá trình điều tra chứng minh được các bị cáo C, Đ, T cùng thực hiện 06 vụ cướp giật vào ngày 09/7/2018 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được 42.850.000 đồng. Riêng bị cáo C thực hiện 07 vụ (06 vụ ngày 09/7/2018 và 01 vụ ngày 05/7/2018) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 68.850.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, các bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện phạm tội và phạm tội liên tục 05 vụ trở lên cùng về một tội phạm nên phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết tăng nặng định khung tăng nặng là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp và dùng thủ đoạn nguy hiểm được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo LÊ VĂN C đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng nên lần phạm tội này là tái phạm nguy hiểm; tổng giá trị bị cáo chiếm đoạt trong 07 lần phạm tội là 68.850.000 đồng nên cần áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu, quản lý tài sản hợp pháp của

công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, phạm tội do cố ý, các bị cáo đều có nhân thân xấu nên cần xử phạt các bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội nhưng gây ra thiệt hại không lớn để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Từ căn cứ trên đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm b, c, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo LÊ VĂN C từ 06 đến 07 năm tù; Đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo TRẦN QUANG Đ từ 05 đến 06 năm tù; Đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc T từ 05 đến 06 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Phạm Tấn M đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Bị hại anh Nguyễn Nam T1, anh Nguyễn Thanh T2, anh Nguyễn Đình B, chị Võ Thị Thanh T yêu cầu được nhận lại các điện thoại di động bị các bị cáo chiếm đoạt hiện đã được Cơ quan điều tra thu hồi. Xét thấy yêu cầu của các bị hại là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Bị hại ông Phạm Viết Đ1 không có yêu cầu nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Xét trình bày, đề nghị của Bị hại là tự nguyện và không trái pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với điện thoại di động hiệu Oppo A39.

- Bị hại chị Võ Thị Thanh T khai trong túi xách ngoài 3 chiếc điện thoại bị cướp giật mà bị cáo C đã thừa nhận và hiện nay đã được cơ quan điều tra thu hồi thì còn có các tài sản gồm: 01 ví hiệu Vascara màu trắng (mua giá 400.000 đồng), bên trong ví có số tiền 1.000.000 đồng và 1.000 Đô la Mỹ, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Chariol màu bạc (mua với giá 42.000.000 đồng), 01 nhẫn vàng (trị giá 2.000.000 đồng), 01 răng nanh bọc vàng (trị giá khoảng 12.000.000 đồng), 01 giấy đăng ký xe ô tô BMW biển số 48A-048.46 đứng tên Nguyễn Xuân C, 01 giấy phép lái xe hàng B1 mang tên Võ Thị Thanh T. Tổng trị giá tài sản bị mất khoảng 104.005.000 đồng (giá trị do bị hại tính tại thời điểm mua cộng lại) chưa được thu hồi và chưa được bồi thường nên yêu cầu bị cáo bồi thường. Quá trình điều tra, bị cáo C chỉ thừa nhận chiếm đoạt 03 điện thoại, không thừa nhận chiếm đoạt các tài sản còn lại như Bị hại trình bày. Nhận thấy ngoài lời trình bày thì Bị hại có cung cấp cho Cơ quan điều tra một số giấy tờ để chứng minh mình có tài sản như đã khai với Cơ quan điều tra, tuy nhiên bị hại không chứng minh được những tài sản bị hại khai có trong giỏ xách và đã bị chiếm đoạt, Cơ quan điều tra cũng không chứng minh được bị cáo chiếm đoạt tài sản như bị hại khai, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại.

- Bị cáo LÊ VĂN C khai sau khi cướp giật giỏ xách lấy được 03 điện thoại di động của chị Võ Thị Thanh T, bị cáo đã mang đến bán cho anh Nguyễn Phi T4

được 15.000.000 đồng, bản thân được chia 5.000.000 đồng (anh Nguyễn Phi T4 đã tự nguyện giao nộp lại 03 điện thoại di động và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 15.000.000 đồng). Xét thấy số tiền 15.000.000 đồng bị cáo bán điện thoại là khoản tiền có được từ hành vi phạm tội, đây là khoản tiền thu lợi bất chính, trong số tiền này bị cáo khai chỉ được nhận 5.000.000 đồng, tuy nhiên không có chứng cứ nào chứng minh do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền bán điện thoại là 15.000.000 đồng. Do số tiền này anh Nguyễn Phi T4 không yêu cầu bị cáo trả lại, nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo C nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Bị cáo Nguyễn Khắc T khai trước đó có ba lần nhờ Dương Hiền T4 bán giùm điện thoại và trực tiếp hai lần bán điện thoại cho Dương Hoài B1 và thu được một số tiền, LÊ VĂN C khai trước đó có hai lần bán điện thoại cho Dương Hoài Bảo và thu được một số tiền. Tuy nhiên đây là những điện thoại các bị cáo mua đi bán lại kiếm lời. Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của Dương Hiền T4 và Dương Hoài B1, mặt khác quá trình điều tra không chứng minh được số tài sản này là do phạm tội mà có, vì vậy không có cơ sở để buộc bị cáo T, C nộp lại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với anh Dương Hiền T4 khai được T nhờ bán điện thoại và sau khi bán xong thì được T cho khoảng 300.000 đồng. Quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên không có căn cứ để buộc anh T4 nộp lại, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 giỏ xách bên trong có số tiền 18.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 Ipad Air 2 là tài sản hợp pháp của anh Phạm Tấn M bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho anh M. Anh M không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Đối với điện thoại di động Oppo F1 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Nam T1 bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho anh T1.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Gold Plus là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Đình B bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho anh B.

- Đối với 01 điện thoại di động Oppo F1 màu vàng có vỏ ốp màu đỏ là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Thanh T2 bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho anh T2.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 màu vàng đồng là tài sản hợp pháp của ông Phạm Viết Đ1 bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được. Xét thấy ông Đ1 không có yêu cầu nhận lại nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy C9 Pro, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7

Edge là tài sản hợp pháp của chị Võ Thị Thanh T bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho chị T.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, biển số 76F2-1042, số khung: RLCE1S940AY053128, số máy: 1S94-053127 là tài sản do bị cáo C dùng làm phương tiện cướp giật. Kết quả giám định xe có số khung, số máy nguyên thủy, không đổi. Bị cáo C khai mượn xe gắn máy trên của một người quen tên H (không rõ lai lịch, địa chỉ) ở gần chợ Tân H. Kết quả xác minh, chủ sở hữu xe là anh Nguyễn Bá P. Anh P cho biết mua xe gắn máy trên vào tháng 6/2010 và sử dụng đến năm 2017 thì bán cho người khác với giá 15.000.000 đồng. Khi bán không làm giấy tờ mua bán, không nhớ người mua là ai. Xét thấy xe gắn máy nêu trên là phương tiện bị cáo dùng phạm tội, chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp hiện tại, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước theo quy định.

- Đối với 01 sợi dây kim loại màu vàng, 02 nhẫn kim loại màu vàng và 01 chứng minh nhân dân số 025232987 mang tên LÊ VĂN C do Công an thu giữ của bị cáo C. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 xe gắn máy Yamaha Exciter màu đen, biển số 59V2-377.37, số khung: RLCE1S9402AY058242, số máy: S94058243 (xe mang biển số giả) là tài sản bị cáo Nguyễn Khắc T dùng làm phương tiện cướp giật. Bị cáo T khai mua lại xe gắn máy trên của một người không rõ lai lịch ở quận V (không có giấy tờ mua bán). Quá trình điều tra xác định chiếc xe gắn máy Yamaha Exciter màu đen mang biển số 59V2-377.37, số khung: RLCE1S9402AY058242, số máy: S94058243 có biển số thật là 76Y2-2541 do Huỳnh Công V, địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi là chủ sở hữu. Anh V cho biết anh mua xe gắn máy biển số 76Y2-2541 vào năm 2010 rồi bán lại cho một người khác vào năm 2013, anh không làm giấy tờ mua bán và không nhớ tên, địa chỉ người mua. Xét thấy xe gắn máy nêu trên là phương tiện phạm tội, chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp hiện nay nên đề nghị Hội đồng xét xử giao Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước.

- Kết quả xác minh, biển số 59V2-377.37 được cấp cho chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH 125 do chị Nguyễn Bích T1, địa chỉ: số nhà 101/3 đường Trần Quốc T, Phường O, quận P đứng tên đăng ký. Hiện chị T1 không thực tế cư ngụ tại địa phương nên không lấy được lời khai. Xét thấy biển số xe 59V2-377.37 không còn giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 giấy đăng ký xe số 048789 ghi tên Nguyễn Văn B, địa chỉ: số nhà 79/83/2A Bùi Quang L, Phường T, quận V, biển kiểm soát 59V2-377.37. Kết quả giám định, giấy đăng ký xe này là giả. Xác minh tại Công an Phường 12, quận Gò Vấp, kết quả Nguyễn Văn B không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú hiện tại nên không làm việc được. Bị cáo T khai không biết giấy đăng ký xe trên là

giả. Xét thấy đây là vật nhà nước cầm lưu hành, không có giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus (thu giữ của bị cáo T); 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu vàng (thu giữ của bị cáo C); 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 đỏ trắng (thu giữ của bị cáo Đ). Xét thấy các bị cáo dùng điện thoại liên lạc với nhau để phục vụ vào việc phạm tội nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 áo khoác màu đen, 05 vỏ nhựa màu xanh ốp ngoài xe gắn máy, 07 vỏ nhựa xe gắn máy màu đen, 05 vỏ nhựa xe gắn máy và 01 khẩu súng tự chế bằng nhựa và sắt màu xám (thu giữ của bị cáo T); 01 áo khoác màu nâu, 01 nón bảo hiểm thể thao, 02 bình xịt hơi cay; 01 giỏ xách cầm tay hiệu D-B-OLY; 01 giấy đăng ký xe gắn máy phô tô của xe 66B1-234.37; 01 giấy bán xe gắn máy viết tay bán phô tô, bán xe 66B1-234.37; 01 biển số xe 84G1-260.41 và 01 biển số 64B1-327.80 (thu giữ của bị cáo C). Xét thấy đây là những vật không có giá trị nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S (thu giữ của anh Dương Hiền T3). Xét thấy đây là tài sản cá nhân của anh T3, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho anh T3.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus là các tài sản bị cáo C, T, Đ khai nhận cướp giật vào ngày 09/7/2018, nhưng không xác định được bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 25 điện thoại di động các loại do Công an thu giữ của Dương Hoài B1. Xét thấy các tài sản trên không phải là vật chứng của vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử giao trả cho Công an quận Tân Bình để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau phần luận tội của Viện kiểm sát, các bị cáo không tranh luận, tranh tụng với Viện kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nhằm giúp cho các bị cáo sửa chữa lỗi lầm của mình và sớm trở về với gia đình

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ vào hành vi phạm tội của bị cáo theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được thì việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình ra quyết định tạm giữ, khởi tố vụ án, khởi tố bị can ra quyết định tạm giam để phục vụ công tác điều tra, truy tố, xét xử đối với các bị cáo LÊ VĂN C, TRẦN QUANG Đ và NGUYỄN KHẮC T về hành vi “Cướp giật tài sản” quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cơ sở, đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo, Điều tra viên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Tân Bình, Kiểm sát viên

Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình được phân công điều tra, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Căn cứ diễn biến tại phiên tòa, thông qua phần xét hỏi, thẩm tra các tài liệu, chứng cứ, luận tội, tranh tụng nhận thấy lời khai, chứng cứ phạm tội phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa thông qua việc thẩm tra các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhận thấy các bị cáo LÊ VĂN C, TRẦN QUANG Đ và NGUYỄN KHẮC T là những người không có nghề nghiệp, đã sử dụng xe gắn máy làm phương tiện đi cướp giật tài sản người khác. Trong 01 khoảng thời gian ngắn từ khoảng 3 giờ 30 phút ngày 09/7/2018 đến khoảng 5 giờ 30 phút ngày 09/7/2018 các bị cáo đã thực hiện liên tiếp nhiều vụ cướp giật. Qua điều tra chứng minh được các bị cáo C, Đ và T cùng thực hiện 6 vụ cướp giật vào ngày 09/7/2018 với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được 42.850.000 đồng. Bị cáo C thực hiện 07 vụ (06 vụ ngày 09/7/2028 và 01 vụ ngày 05/7/2018) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt được là 68.850.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo LÊ VĂN C đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm rất nghiêm trọng; tổng giá trị bị cáo chiếm đoạt trong 07 lần phạm tội là 68.850.000 đồng, nên áp dụng thêm tình tiết định khung tăng nặng quy định tại điểm c, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng tới trật tự, trị an tại địa phương, các bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội do cố ý. Hành vi của bị cáo LÊ VĂN C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c, b, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố; Hành vi của bị cáo Nguyễn Khắc Trí, Trần Quang Định đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

[3] Do muốn có tiền phục vụ nhu cầu cá nhân mà các bị cáo đã cố ý phạm tội, hành vi phạm tội của các bị cáo đã hoàn thành, đã làm ảnh hưởng đến trật tự, trị an tại địa phương, nhân thân các bị cáo xấu nên cần xử phạt các bị cáo mức án phù hợp để có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi nên gây ra thiệt hại không lớn. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Việc đại diện Viện kiểm sát căn cứ tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng, nhân thân các bị cáo đề nghị áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm b, c, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo C và điểm h, s khoản 1 Điều 51; điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo T, Đ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Phạm Tấn M đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét lại như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Bị hại anh Nguyễn Nam T1, anh Nguyễn Thanh T2, anh Nguyễn Đình B, chị Võ Thị Thanh T yêu cầu được nhận lại các điện thoại di động bị các bị cáo chiếm đoạt hiện đã được Cơ quan điều tra thu hồi. Xét thấy yêu cầu của các bị hại là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Bị hại ông Phạm Viết Đ1 không có yêu cầu nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy Đ của pháp luật. Xét trình bày, đề nghị của Bị hại là tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu nộp ngân sách Nhà nước đối với điện thoại di động hiệu Oppo A39 như đề nghị của Viện kiểm sát..

- Bị hại chị Võ Thị Thanh T khai trong túi xách ngoài 3 chiếc điện thoại bị cướp giật mà bị cáo C đã thừa nhận và hiện nay đã được cơ quan điều tra thu hồi thì còn có các tài sản gồm: 01 ví hiệu Vascara màu trắng (mua giá 400.000 đồng), bên trong ví có số tiền 1.000.000 đồng và 1.000 Đô la Mỹ, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Chariol màu bạc (mua với giá 42.000.000 đồng), 01 nhẫn vàng (trị giá 2.000.000 đồng), 01 răng nanh bọc vàng (trị giá khoảng 12.000.000 đồng), 01 giấy đăng ký xe ô tô BMW biển số 48A-048.46 đứng tên Nguyễn Xuân C, 01 giấy phép lái xe hàng B1 mang tên Võ Thị Thanh T. Tổng trị giá tài sản bị mất khoảng 104.005.000 đồng (giá trị do bị hại tính tại thời điểm mua cộng lại) chưa được thu hồi và chưa được bồi thường nên yêu cầu bị cáo bồi thường. Quá trình điều tra, bị cáo C chỉ thừa nhận chiếm đoạt 3 điện thoại, không thừa nhận chiếm đoạt các tài sản còn lại như bị hại trình bày. Xét thấy, ngoài lời trình bày thì bị hại có cung cấp cho Cơ quan điều tra một số giấy tờ để chứng minh mình có tài sản như đã khai với Cơ quan điều tra, tuy nhiên bị hại không chứng minh được những tài sản bị hại khai có trong giỏ xách và đã bị chiếm đoạt, Cơ quan điều tra cũng không chứng minh được bị cáo chiếm đoạt tài sản như bị hại khai do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu bồi thường của bị hại như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Bị cáo LÊ VĂN C khai sau khi cướp giật giỏ xách lấy được 03 điện thoại di động của chị Võ Thị Thanh T, bị cáo mang đến bán cho anh Nguyễn Phi T4 được 15.000.000 đồng, bản thân được chia 5.000.000 đồng (anh Nguyễn Phi T4 đã tự nguyện giao nộp lại 03 điện thoại di động và không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 15.000.000 đồng). Xét thấy số tiền 15.000.000 đồng bị cáo bán điện thoại là khoản tiền có được từ hành vi phạm tội, đây là khoản tiền thu lợi bất chính, trong số tiền này bị cáo khai chỉ được nhận 5.000.000 đồng, tuy nhiên không có chứng cứ nào

chứng minh do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ số tiền bán điện thoại là 15.000.000 đồng. Do số tiền này anh Nguyễn Phi T4 không yêu cầu bị cáo trả lại, nên Hội đồng xét xử thống nhất buộc bị cáo C nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Bị cáo Nguyễn Khắc T khai trước đó có ba lần nhờ Dương Hiền T3 bán giùm điện thoại và trực tiếp hai lần bán điện thoại cho Dương Hoài B1 và thu được một số tiền, LÊ VĂN C khai trước đó có hai lần bán điện thoại cho Dương Hoài Ba1 và thu được một số tiền. Tuy nhiên đây là những điện thoại các bị cáo mua đi bán lại kiếm lời. Xét thấy lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của Dương Hiền T3 và Dương Hoài B1, mặt khác quá trình điều tra không chứng minh được số tài sản này là do phạm tội mà có vì vậy không có cơ sở để buộc bị cáo T, C nộp lại, do đó Hội đồng xét xử không xem xét như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với anh Dương Hiền T3 khai được Trí nhờ bán điện thoại và sau khi bán xong thì được T cho khoảng 300.000 đồng. Quá trình điều tra không có căn cứ chứng minh đây là khoản tiền thu lợi bất chính nên không có căn cứ để buộc anh T3 nộp lại, do đó Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét như đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 giỏ xách bên trong có số tiền 18.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S và 01 Ipad Air 2 là tài sản hợp pháp của anh Phạm Tấn M bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho anh M. Anh M không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Hiện không có ai thắc mắc, khiếu nại gì nên Hội đồng xét xử thống nhất không xem xét lại như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với điện thoại di động Oppo F1 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Nam T1 bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho anh T1 như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Gold Plus là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Đình B bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho anh B như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động Oppo F1 màu vàng có vỏ ốp màu đỏ là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Thanh T2 bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho anh T2 như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 màu vàng đồng là tài sản hợp pháp của ông Phạm Viết Đ1 bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được. Xét thấy ông Đ1 không có yêu cầu nhận lại nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy C9 Pro, 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy S7 Edge là tài sản hợp pháp của chị Võ Thị Thanh T bị các bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi được nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho chị Thảo như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, biển số 76F2-1042, số khung: RLCE1S940AY053128, số máy: 1S94-053127 là tài sản do bị cáo C dùng làm phương tiện cướp giật. Kết quả giám Đ xe có số khung, số máy nguyên thủy. Bị cáo C khai mượn xe gắn máy trên của một người quen tên H (không rõ lai lịch, địa chỉ) ở gần chợ Tân H. Kết quả xác minh, chủ sở hữu xe là anh Nguyễn Bá P. Anh P cho biết mua xe gắn máy trên vào tháng 6/2010 và sử dụng đến năm 2017 thì bán cho người khác với giá 15.000.000 đồng. Khi bán không làm giấy tờ mua bán, không nhớ người mua là ai. Xét thấy xe gắn máy nêu trên là phương tiện bị cáo dùng phạm tội, chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp hiện tại, nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước theo quy định theo như đề nghị của Viện kiểm sát (tình trạng xe theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Đối với 01 sợi dây kim loại màu vàng, 02 nhẫn kim loại màu vàng và 01 chứng minh nhân dân số 025232987 mang tên LÊ VĂN C thu giữ của bị cáo C. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho bị cáo LÊ VĂN C như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 xe gắn máy Yamaha Exciter màu đen, biển số 59V2-377.37, số khung: RLCE1S9402AY058242, số máy: S94058243 (xe mang biển số giả) là tài sản bị cáo Nguyễn Khắc T dùng làm phương tiện cướp giật. Bị cáo T khai mua lại xe gắn máy trên của một người không rõ lai lịch ở quận V (không có giấy tờ mua bán). Quá trình điều tra xác định chiếc xe gắn máy Yamaha Exciter màu đen biển số 59V2-377.37, số khung: RLCE1S9402AY058242, số máy: S94058243 có biển số thật là 76Y2-2541 do Huỳnh Công V, địa chỉ: tổ dân phố 3, thị trấn X, huyện Y, tỉnh Quảng Ngãi là chủ sở hữu. Anh V cho biết anh mua xe gắn máy biển số 76Y2-2541 vào năm 2010 rồi bán lại cho một người khác vào năm 2013, anh không làm giấy tờ mua bán và không nhớ tên, địa chỉ người mua. Xét thấy xe gắn máy nêu trên là phương tiện phạm tội, chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp hiện nay nên Hội đồng xét xử thống nhất giao Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Kết quả xác minh, biển số 59V2-377.37 được cấp cho chiếc xe gắn máy hiệu Honda SH 125 do chị Nguyễn Bích T1, địa chỉ: số nhà 101/3 đường Trần Quốc T, Phường O, quận P đứng tên đăng ký. Kết quả xác minh thì hiện nay chị T1 không thực tế cư ngụ tại địa phương, không rõ nơi cư trú nên không lấy được lời khai. Xét thấy Biển số xe 59V2-377.37 không còn giá trị nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu tiêu hủy như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 giấy đăng ký xe số 048789 ghi tên Nguyễn Văn B, địa chỉ: số nhà 79/83/2A Bùi Quang L, Phường T, quận V, biển kiểm soát 59V2-377.37. Kết quả giám định, giấy đăng ký xe này là giả. Xác minh tại Công an Phường T, quận V, kết quả Nguyễn Văn B không có mặt tại địa phương, không rõ nơi cư trú hiện

tại nên không làm việc được. Bị cáo T khai không biết giấy đăng ký xe trên là giả. Xét thấy đây là vật nhà nước cầm lưu hành, không có giá trị nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus (thu giữ của bị cáo T), 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu vàng (thu giữ của bị cáo C), 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 đỏ trắng (thu giữ của bị cáo Đ). Xét thấy các bị cáo dùng điện thoại liên lạc với nhau để phục vụ vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 áo khoác màu đen, 05 vỏ nhựa màu xanh ốp ngoài xe gắn máy, 07 vỏ nhựa xe gắn máy màu đen, 05 vỏ nhựa xe gắn máy và 01 khẩu súng tự chế bằng nhựa và sắt màu xám (thu giữ của bị cáo T); 01 áo khoác màu nâu, 01 nón bảo hiểm thể thao, 02 bình xịt hơi cay; 01 giỏ xách cầm tay hiệu D-B-OLY; 01 giấy đăng ký xe gắn máy phô tô của xe 66B1-234.37; 01 giấy bán xe gắn máy viết tay bản phô tô, bán xe 66B1-234.37; 01 biển số xe 84G1-260.41 và 01 biển số 64B1-327.80 (thu giữ của bị cáo C). Xét thấy đây là những vật không còn có giá trị nên Hội đồng xét xử thống nhất tịch thu và tiêu hủy như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S thu giữ của anh Dương Hiền T3. Xét thấy đây là tài sản cá nhân của anh T3, không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên Hội đồng xét xử thống nhất trả lại cho anh T3 như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 plus là các tài sản bị cáo C, T, Đ khai nhận cướp giật vào ngày 09/7/2018, nhưng không xác định được bị hại nên Hội đồng xét xử thống nhất giao cho Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp. Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước như đề nghị của Viện kiểm sát.

- Đối với 25 điện thoại di động các loại do Công an thu giữ của Dương Hoài B1, xét thấy các tài sản trên không phải là vật chứng của vụ án nên Hội đồng xét xử thống nhất giao lại cho Công an quận Tân Bình để giải quyết theo thẩm quyền (số lượng, chủng loại, tình trạng điện thoại theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[7] Căn cứ Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị hại chị Võ Thị Thanh T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, c, d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo LÊ VĂN C; căn cứ điểm b, d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo TRẦN

QUANG Đ và NGUYỄN KHẮC T; căn cứ điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo C, Trí, Đình;

Căn cứ Điều 106, Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1] Tuyên bố các bị cáo LÊ VĂN C, TRẦN QUANG Đ, NGUYỄN KHẮC T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: LÊ VĂN C 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2018.

Xử phạt: TRẦN QUANG Đ 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2018.

Xử phạt: NGUYỄN KHẮC T 06 (sáu) năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2018.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

- Không chấp nhận yêu cầu của bị hại Võ Thị Thanh T đòi bị cáo LÊ VĂN C bồi thường trị giá các tài sản bị mất gồm: 01 ví hiệu Vascara màu trắng (mua giá 400.000 đồng), bên trong ví có số tiền 1.000.000 đồng và 1.000 Đô la Mỹ, 01 đồng hồ đeo tay hiệu Chariol màu bạc (mua với giá khoảng 42.000.000 đồng), 01 nhẫn vàng (trị giá 2.000.000 đồng), 01 răng nanh bọc vàng (trị giá khoảng 12.000.000 đồng), 01 giấy đăng ký xe ô tô BMW biển số 48A-048.46 đứng tên Nguyễn Xuân C, 01 giấy phép lái xe hàng B1 mang tên Võ Thị Thanh T.

- Buộc bị cáo LÊ VĂN C nộp lại số tiền 15.000.000 (mười năm triệu) đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị hại anh Nguyễn Nam T1 01 điện thoại di động Oppo F1S, số imei 1: 863091036164338, số imei 2: 863091036064320 (tình trạng điện thoại theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình) .

- Trả lại cho bị hại anh Nguyễn Đình B 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S Gold Plus, số imei: 353287074112174 (tình trạng điện thoại theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình) .

- Trả lại cho bị hại anh Nguyễn Thanh T2 01 điện thoại di động Oppo F1S, số imei 1: 863632032088359, số imei 2: 863632032088342 (tình trạng điện thoại theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình) .

- Trả lại cho bị hại Võ Thị Thanh T: 01 điện thoại di động hiệu Samsung Note 8 màu đen, số imei 1: 353757091440507, số imei 2: 353760091440507; 01 điện thoại di động hiệu Samsung S7, số imei: 355646072910897 có màn hình bị bể và 01 điện thoại di động hiệu C9 pro, số imei 1: 357160081810690, số imei 2:

35716081810698 (tình trạng điện thoại theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Trả lại cho bị cáo LÊ VĂN C: 01 sợi dây kim loại màu vàng dài khoảng 57cm, 02 nhẫn kim loại màu vàng có đính hạt màu trắng và 01 chứng minh nhân dân số 025232987 mang tên LÊ VĂN C (tình trạng theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Trả lại cho anh Dương Hiền T3 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, số imei: 355423077301310 (tình trạng theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus, màu đen, số imei: 359217079496672; 01 điện thoại di động hiệu Oppo F3 màu vàng số imei 1: 863886032171116, số imei 2: 863886032171108; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 đỏ trắng số imei: 355771074951663 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo A39 màu vàng đồng, số imei 1: 863654033493792, số imei 2: 863654033493784 (tình trạng điện thoại theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình) .

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 biển số 59V2-377.37; 01 giấy đăng ký xe số 048789 mang tên Nguyễn Văn B; 01 áo khoác màu đen, trên áo có logo chữ Raiders; 01 nón bảo hiểm màu xanh đen, hiệu Nike; 05 vỏ nhựa màu xanh ốp ngoài xe gắn máy; 07 vỏ nhựa xe gắn máy màu đen; 05 vỏ nhựa xe gắn máy được dán giấy bên ngoài; 01 khẩu súng tự chế bằng nhựa và sắt màu xám xanh dài khoảng 80cm; 01 áo khoác màu nâu không có hiệu; 01 nón bảo hiểm thể thao không có hiệu; 01 bình xịt hơi cay màu đỏ hiệu Body Guard Ps007; 01 bình xịt hơi cay hiệu bodyguard PS007, Prosecure; 01 giỏ xách cầm tay hiệu D-B-OLY; 01 giấy đăng ký xe gắn máy phô tô của xe 66B1-234.37; 01 giấy bán xe gắn máy viết tay bản phô tô, bán xe 66B1-234.37; 01 biển số xe 84G1-260.41 và 01 biển số 64B1-327.80 (tình trạng theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

- Giao cho Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình: 01 chiếc xe gắn máy Yamaha Exciter màu đen có số khung: RLCE1S9402AY058242, số máy: S94058243; chiếc xe gắn máy hiệu Yamaha Exciter màu đỏ, biển số 76F2-1042, số khung: RLCE1S940AY053128, số máy: 1S94-053127; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7plus, A1661 FCC ID: BCG-E3087A IC579-E3087A và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S plus vàng, model: A 1687 FCC, ID: BCG-E2946A IC 579-E2946A thông báo tìm chủ sở hữu hợp pháp, hết thời hạn 01 năm kể từ ngày thông báo hợp lệ mà không có ai đến nhận hoặc tranh chấp thì lập thủ tục nộp ngân sách Nhà nước theo quy định (tình trạng theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình) .

- Giao cho Công an quận Tân Bình 25 điện thoại di động các loại (do Công an thu giữ của anh Dương Hoài B1) để giải quyết theo thẩm quyền (số lượng, chủng loại, tình trạng điện thoại theo như phiếu nhập kho vật chứng của Công an quận Tân Bình).

[4] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Bị hại chị Võ Thị Thanh T không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án cho đương sự theo quy Đ tại điều 26 Luật Thi hành án (đã sửa đổi, bổ sung năm 2015).

[6] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tổng đạt, niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có QL, NV liên quan;
- Công an quận Tân Bình;
- VKSND quận Tân Bình;
- Chi cục THADS quận Tân Bình;
- TAND, VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng HSNVCS CA Tp. HCM;
- Sở Tư pháp Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Trí